

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**Số: **11135** / BGTVT-KCHT

V/v: dự thảo Thông tư ban hành
Quy định tiêu chí giám sát,
nghiệm thu dịch vụ công ích bảo
đảm an toàn hàng hải.

Hà Nội, ngày **03** tháng 10 năm 2018BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**CÔNG VĂN BẢN**Số: **1295**.....Ngày **4** tháng **10** năm 20**18**.

Kính gửi:

- Các Vụ: TC, VT, KHCN, MT, ATGT, KHĐT,
PC, PPP, HTQT, QLDN;
- Văn phòng Bộ;
- Thanh tra Bộ;
- Cục Quản lý XD&CLCTGT;
- Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Tổng công ty BĐATHH miền Bắc.

Bộ Giao thông vận tải nhận được Tờ trình số 3687/TTr-CHHVN ngày 20/9/2018 của Cục Hàng hải Việt Nam trình dự thảo Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

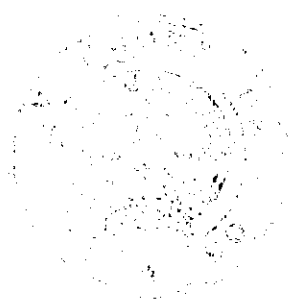
Bộ Giao thông vận tải đề nghị quý cơ quan, đơn vị góp ý cho Dự thảo Thông tư nêu trên (*gửi kèm theo công văn này*). Công văn góp ý và file điện tử gửi về Bộ Giao thông vận tải (qua Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Email: quannh@mt.gov.vn) **trước ngày 20/10/2018** để Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Văn Công (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Cục HHVN;
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Công TTĐT Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: VT, KCHT_{Quản}

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KCHTGT
PHÓ VỤ TRƯỞNG**Lê Thị Thu Hà**



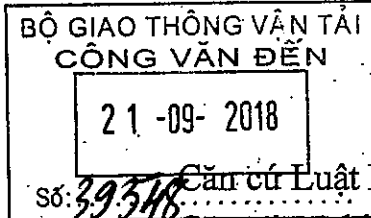
22/11/11

Số: 3687/TT-CHVN

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2018

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải



Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 21/2016/TT-BGTVT ngày 25/8/2016 quy định về xây dựng, ban hành, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, kiểm tra, xử lý văn bản, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực giao thông vận tải; số 47/2017/TT-BGTVT ngày 07/12/2017 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2016/TT-BGTVT ngày 25/8/2016;

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải để triển khai các Nghị định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng trong các lĩnh vực GTVT;

Căn cứ Thông báo số 422/TB-BGTVT ngày 24/8/2018 về kết luận của Bộ trưởng Nguyễn Văn Thể tại cuộc họp triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ về quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông;

Cục Hàng hải Việt Nam đã xây dựng, hoàn thành dự thảo “Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải” (sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư) với các nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết xây dựng Thông tư

Trong những năm vừa qua, Cục Hàng hải Việt Nam được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải do Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc và Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam cung ứng. Việc đặt hàng, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức thực hiện căn cứ các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Thông tư số 14/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bảo đảm hàng hải thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

- Thông tư số 75/2015/TT-BGTVT ngày 24/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu hàng hải.

- Quyết định số 936/QĐ-CHHVN ngày 02/10/2013 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam ban hành quy trình nghiệm thu, thanh toán sản phẩm, dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định về tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải. Mặt khác, ngày 12/3/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2018/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trong đó tại điểm a, Khoản 2, Điều 9 của Nghị định quy định “*Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo chất lượng thực hiện*”. Vì vậy, Bộ Giao thông vận tải đã có Quyết định số 1326/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2018 và Thông báo số 422/TB-BGTVT ngày 24/8/2018 giao nhiệm vụ cho Cục Hàng hải Việt Nam xây dựng dự thảo “Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải” làm căn cứ để thực hiện việc giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

2. Quá trình xây dựng dự thảo Thông tư

Thực hiện Quyết định số 1326/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải để triển khai các Nghị định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng trong các lĩnh vực GTVT, Cục Hàng hải Việt Nam đã chủ trì tiến hành xây dựng chi tiết dự thảo Thông tư từ tháng 7 năm 2018, chi tiết như sau:

- Ngày 20/7/2018, Cục Hàng hải Việt Nam có công văn số 2845/CHHVN-KHĐT trình Bộ Giao thông vận tải dự thảo Đề cương dự thảo Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích thông tin duyên hải và bảo đảm an toàn hàng hải.

- Ngày 10/8/2018 Vụ KCHTGT có văn bản số 679/KCHT báo cáo Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải về Đề cương dự thảo Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích thông tin duyên hải và bảo đảm an toàn hàng hải. Trong đó, Vụ KCHTGT kiến nghị tách riêng thành 02 Thông tư: Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích thông tin duyên hải và Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

- Ngày 24/8/2018 Văn phòng Bộ có Thông báo số 422/TB-BGTVT về kết luận của Bộ trưởng Nguyễn Văn Thể tại cuộc họp triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ về quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông. Trong đó, Bộ trưởng đã chấp thuận tách riêng thành 02 Thông tư: Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích thông tin duyên hải và Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

- Ngày 21/8/2018 Cục Hàng hải Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1346/QĐ-CHHVN thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ

Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

Dự thảo Thông tư được xây dựng với đầy đủ các quy định thống nhất về các tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải trên cơ sở các Tiêu chuẩn quốc gia về dịch vụ công ích bảo đảm hàng hải, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc thực hiện cung ứng dịch vụ công ích thông tin duyên hải. Sau khi hoàn thiện dự thảo Thông tư, Cục Hàng hải Việt Nam đã tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam đối với nội dung dự thảo Thông tư. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Cục Hàng hải Việt Nam đã tổ chức cuộc họp để tiếp thu, giải trình, xử lý các ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư, Cục Hàng hải Việt Nam luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về hình thức, trình tự, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các quy định pháp luật có liên quan khác; đồng thời tiến hành rà soát, đối chiếu các quy định của pháp luật liên quan nhằm tránh sự chồng chéo, trùng lặp, mâu thuẫn với quy định trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.

3. Kết cấu và nội dung dự thảo Thông tư

a) Kết cấu dự thảo Thông tư:

- Dự thảo Thông tư gồm 04 Điều.

- Quy định ban hành kèm theo dự thảo Thông tư gồm 02 Chương:

+ Chương I. Quy định chung.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

+ Chương II. Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 3. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu số lượng, khối lượng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 4. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu chất lượng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

b) Một số nội dung chính của dự thảo Thông tư:

- Phạm vi điều chỉnh: Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải, gồm:

+ Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập;

+ Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu dẫn luồng hàng hải công cộng;

+ Khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu);

+ Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.

+ Quản lý, vận hành hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng.

- Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác giám sát và nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

- Ngoài ra, Thông tư cũng quy định trách nhiệm của Cục Hàng hải Việt Nam và Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam trong việc thực hiện giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích thông tin duyên hải.

4. Tài liệu kèm theo

Dự thảo Thông tư ban hành Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

Cục Hàng hải Việt Nam kính trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, ban hành Thông tư./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Công (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- TCTy BDATHH miền Bắc;
- TCTy BDATHH miền Nam;
- Các phòng: TC, KHCN&MT, CTHH, ATANHH, PC;
- Lưu: VT, KHĐT_H(03)

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Ban hành quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu
dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018 và áp dụng từ năm tài chính 2019.

Điều 3. Trách nhiệm của các bên

1. Cục Hàng hải Việt Nam:

a) Tổ chức giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải theo các tiêu chí quy định tại Thông tư này;

b) Tổ chức xây dựng và ban hành Quy trình nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải trên cơ sở các tiêu chí quy định tại Thông tư này.

2. Các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn phòng (Bộ Tư pháp);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GTVT;
- Công báo;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

QUY ĐỊNH
TIÊU CHÍ GIÁM SÁT, NGHIỆM THU
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI
/2018/TT-BGTVT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BGTVT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh của Quy định này quy định về tiêu chí giám sát, nghiệm thu các dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải sau đây:
- a) Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập;
 - b) Quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu dẫn luồng hàng hải công cộng;
 - c) Khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu);
 - d) Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.
 - đ) Quản lý, bảo trì hệ thống đề chấn sóng, đề chấn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng.
- Các dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải được giám sát, nghiệm thu theo các tiêu chí về số lượng, khối lượng và chất lượng dịch vụ. Riêng nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải chỉ giám sát, nghiệm thu theo tiêu chí về chất lượng.
2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Báo hiệu hàng hải là thiết bị hoặc công trình được thiết lập để chỉ dẫn cho người đi biển định hướng và xác định vị trí của tàu thuyền.
2. Tâm hiệu lực của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất tính từ người quan sát đến báo hiệu mà người quan sát nhận biết được báo hiệu đó để định hướng hoặc xác định vị trí của mình.
3. Tâm hiệu lực ban ngày của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được báo hiệu vào ban ngày; được xác định với tầm nhìn xa khí tượng bằng 10 hải lý.
4. Tâm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được tín hiệu ánh sáng của báo hiệu.
5. Tâm hiệu lực danh định của báo hiệu hàng hải là tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu trong điều kiện khí quyển có tầm nhìn xa khí tượng là 10 hải lý (tương ứng với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$) với ngưỡng cảm ứng độ sáng của mắt người quan sát quy ước bằng 0,2 micro-lux.
6. Ánh sáng chớp nhóm là ánh sáng chớp được phát theo nhóm với chu kỳ xác định.
7. Báo hiệu hàng hải AIS là báo hiệu vô tuyến điện truyền phát thông tin an toàn hàng hải tới các trạm AIS được lắp đặt trên tàu, hoạt động trên các dải tần số VHF hàng hải.
8. Tiêu radar (Racon) là báo hiệu hàng hải để thu, phát tín hiệu vô tuyến điện trên các dải tần số của radar hàng hải.
9. Tầm hiệu lực của báo hiệu vô tuyến (Racons, AIS...) là khoảng cách tối đa mà tín hiệu của báo hiệu vô tuyến có thể phát hiện hoặc sử dụng được bằng thiết bị thu nhận tín hiệu.
10. Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải được xác định bằng tỷ lệ phần trăm về thời gian mà báo hiệu hàng hải hoạt động đúng tất cả các chức năng đã được công bố trong chu kỳ đánh giá.

Chương II.

QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ GIÁM SÁT, NGHIỆM THU DỊCH VỤ CÔNG ÍCH BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

Điều 3. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu số lượng, khối lượng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải

1. Dịch vụ quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập được xác định như sau:

- a) Số lượng đèn biển, đăng tiêu độc lập được giao quản lý.
- b) Số giờ hoạt động của đèn biển, đăng tiêu độc lập trong ngày: 24 giờ.
- c) Số ngày hoạt động của đèn biển, đăng tiêu độc lập trong năm: từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

2. Dịch vụ quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu dẫn luồng hàng hải công cộng

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu dẫn luồng hàng hải công cộng được xác định như sau:

- a) Số tuyến, chiều dài tuyến luồng được giao quản lý (theo công bố).
- b) Số lượng phao, tiêu báo hiệu trên mỗi tuyến luồng.
- c) Số giờ hoạt động của các báo hiệu hàng hải trong ngày: 24 giờ.
- d) Số ngày hoạt động của các báo hiệu hàng hải trong năm: từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

3. Dịch vụ khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu)

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ công ích khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) được xác định như sau:

- a) Số luồng khảo sát (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu).
- b) Phạm vi khảo sát (vị trí, diện tích).
- c) Tỷ lệ khảo sát.
- d) Tần suất khảo sát.

4. Quản lý, bảo trì hệ thống đèn chấn sáng, đèn chấn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu công tác quản lý, bảo trì hệ thống đèn chấn sáng, đèn chấn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ được xác định như sau:

- a) Số lượng đèn, kè;
- b) Chiều dài đèn, kè;
- c) Loại công trình đèn, kè.

Điều 4. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu chất lượng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải

1. Dịch vụ quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu chất lượng dịch vụ quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập được quy định tại Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Chức năng của báo hiệu		
1.1	Báo hiệu thị giác		
1.1.1	Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp, chu kỳ chớp)	- Bảng mắt thường quan sát, đánh giá màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã công bố tại thông báo hàng hải. - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.
1.1.2	Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện di chuyển từ xa về phía đèn, quan sát bằng mắt thường kết hợp hải đồ, la bàn, thiết bị định vị vệ tinh để kiểm tra tầm hiệu lực.	- Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tầm hiệu lực của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra không được thấp hơn 75% giá trị tầm hiệu lực được công bố.
1.1.1	Hình dáng báo hiệu	Quan sát bằng mắt thường về hình dáng báo hiệu	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
3			tại thông báo hàng hải.
1.1.4	Màu sắc báo hiệu	Quan sát bằng mắt thường về màu sắc báo hiệu	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.
1.2	Báo hiệu vô tuyến (racon, AIS,...)		
1.2.1	Thông tin truyền phát, đặc tính	- Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon.	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin được công bố tại thông báo hàng hải.
1.2.2	Tầm hiệu lực	Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía đèn kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để kiểm tra tầm hiệu lực của Racon.	- Phù hợp với các thông số tầm hiệu lực của báo hiệu vô tuyến được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tầm hiệu lực của báo hiệu racon xác định trong điều kiện kiểm tra không được thấp hơn 98% giá trị tầm hiệu lực được công bố.
2	Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu		
2.1	Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	- Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động.	- Bố trí tối thiểu 02 bộ thiết bị báo hiệu ánh sáng (01 bộ chính và 01 bộ dự phòng) thỏa mãn với thông báo hàng hải về đặc tính và tầm hiệu lực báo hiệu. - Trong trường hợp đèn chính bị sự cố, đèn dự phòng phải được kích hoạt hoạt động, thời gian kích hoạt không quá 03 phút.
2.2	Nguồn cung cấp năng lượng điện (điện lưới, pin năng lượng mặt trời, bộ nạp ắc-quy, ắc-quy, máy	- Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động.	Có ít nhất 02 hệ thống cung cấp năng lượng điện độc lập, bảo đảm khả năng cung cấp điện 24/24h.

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
	phát điện, máy biến áp, bộ đổi điện)		
2.3	Thiết bị thông tin liên lạc (máy VHF, MF/HF, điện thoại)	- Kiểm tra hoạt động của máy thông tin trên các tần số trực kênh hàng hải, trực kênh thông tin nội bộ. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.	Bố trí ít nhất 01 hệ thống thông tin thường trực và 01 hệ thống thông tin dự phòng phù hợp.
3	Nhân sự bố trí tại các trạm đèn biển		
	Kiểm tra nhân lực bố trí tại trạm	Kiểm tra số lượng nhân sự theo danh sách được bố trí tại trạm.	Đủ nhân sự trực ca theo quy định.
4	Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình		
4.1	Bảo trì, sửa chữa công trình	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế, quy trình bảo trì được duyệt. - Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.
4.2	Bảo trì, sửa chữa cơ khí		- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế.
4.2.1	Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	- Kiểm tra trực quan thực tế vận hành của sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực.
4.2.2	Bảo trì, sửa chữa thiết bị (thiết bị đèn; thông tin liên lạc; vô tuyến điện; thiết bị cung cấp nguồn năng lượng)	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp thiết bị. - Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng											
4.2.3	Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành về chống sét trong công trình xây dựng. - Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.											
4.2.4	Bảo trì, sửa chữa máy phát điện	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp. - Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.											
5	Cổng tác quản lý	- Kiểm tra công tác ghi chép nhật ký (tại trạm và phương tiện). - Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý, vận hành. - Kiểm tra thông báo hàng hải.	- Ghi chép nhật ký đầy đủ. - Bố trí phương tiện bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện địa lý của khu vực quản lý và quy định của quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện. - Các nội dung đã công bố của thông báo, hàng hải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải.											
6	Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu như sau:												
		Chỉ số khả dụng tính toán theo công thức sau: $A = \frac{T-t}{T} \times 100\%$ Trong đó: - A là chỉ số khả dụng tính bằng %; - T là thời gian đánh giá hoạt động của đèn biển, đăng tiêu độc lập (ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm);	<table><tr><th>Đèn biển, đăng tiêu độc lập</th><th>Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu</th></tr><tr><td></td><td>T=6 tháng</td><td>T= 1 năm</td></tr><tr><td>Có người tại trạm</td><td>98,8%</td><td>99,4%</td></tr><tr><td>Không có người tại trạm</td><td>97,8%</td><td>98,9%</td></tr></table>	Đèn biển, đăng tiêu độc lập	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu		T=6 tháng	T= 1 năm	Có người tại trạm	98,8%	99,4%	Không có người tại trạm	97,8%	98,9%
Đèn biển, đăng tiêu độc lập	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu													
	T=6 tháng	T= 1 năm												
Có người tại trạm	98,8%	99,4%												
Không có người tại trạm	97,8%	98,9%												

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
		- t là tổng thời gian mà đèn biển, đăng tiêu độc lập không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố (sai lệch quá mức cho phép).	

2. Dịch vụ quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu dẫn luồng hàng hải công cộng

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu chất lượng dịch vụ quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu dẫn luồng hàng hải công cộng được quy định tại Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Chức năng của báo hiệu		
1.1	Vị trí báo hiệu nổi	- Kiểm tra vị trí thực tế phao báo hiệu dẫn luồng bằng máy định vị cầm tay. - Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra vị trí đối với báo hiệu có lắp AIS.	- Phù hợp với vị trí của báo hiệu được công bố tại thông báo hàng hải. - Đối với báo hiệu vùng nước an toàn: Vị trí tâm báo hiệu không được dịch chuyển quá 3,0 lần bán kính quay vòng của báo hiệu. - Đối với báo hiệu hai bên luồng: Vị trí tâm báo hiệu không được dịch chuyển quá 1,5 lần bán kính quay vòng của báo hiệu theo phương ngang luồng và 3,0 lần bán kính quay vòng của báo hiệu theo phương dọc luồng. - Đối với báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu chuyển dòng, báo hiệu phương vị, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập và báo hiệu chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện: Vị trí tâm báo hiệu không

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			được dịch chuyển quá 1,5 lần bán kính quay vòng của báo hiệu. - Bán kính quay vòng của báo hiệu được xác định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải.
1.2	Báo hiệu thị giác		
1.2.1	Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp, chu kỳ chớp)	- Bảng mắt thường quan sát, đánh giá màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã công bố tại thông báo hàng hải (bao gồm cả tính chất chớp đồng bộ nếu có). - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.
1.2.2	Tâm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện di chuyển từ xa về phía báo hiệu, quan sát bằng mắt thường kết hợp hải đồ, la bàn, thiết bị định vị vệ tinh để xác định tâm hiệu lực.	- Phù hợp với tâm hiệu lực đã được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tâm hiệu lực của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra không được thấp hơn 75% giá trị tâm hiệu lực được công bố.
1.2.3	Hình dáng báo hiệu	Quan sát bằng mắt thường về hình dáng báo hiệu	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.
1.2.4	Màu sắc báo hiệu	Quan sát bằng mắt thường về màu sắc báo hiệu	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.
1.3	Báo hiệu vô tuyến (racon, AIS,...)		
1.3.1	Thông tin truyền phát, đặc tính	- Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon.	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin được công bố tại thông báo hàng hải.
1.3.2	Tâm hiệu lực	Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về	- Phù hợp với các thông số tâm hiệu lực của báo

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
2		phía báo hiệu và ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để kiểm tra tâm hiệu lực của Racon.	hiệu vô tuyến được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tâm hiệu lực của báo hiệu racon xác định trong điều kiện kiểm tra không được thấp hơn 95% giá trị tâm hiệu lực được công bố.
2	Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu		
2.1	Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	- Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động.	Bảo đảm tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị
2.3	Nguồn cung cấp năng lượng	- Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra hiện trường về số lượng, tình trạng hoạt động.	Hệ thống cung cấp năng lượng điện bảo đảm khả năng cung cấp điện 24/24h.
2.4	Thiết bị thông tin liên lạc (máy VHF, MF/HF, điện thoại)	- Kiểm tra hoạt động của máy thông tin trên các tần số trực kênh hàng hải, trực kênh thông tin nội bộ. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.	Bố trí ít nhất 01 hệ thống thông tin thường trực và 01 hệ thống thông tin dự phòng phù hợp.
3	Nguồn nhân lực tại trạm lường		
	Kiểm tra nhân lực bố trí tại trạm	Kiểm tra số lượng nhân sự theo danh sách được bố trí tại trạm.	Đủ nhân sự trực ca theo quy định.
4	Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình		
4.1	Bảo trì, sửa chữa công trình	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế, quy trình bảo trì được duyệt. - Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.
4.2	Bảo trì, sửa chữa cơ khí		
4.2.1	Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	- Kiểm tra trực quan thực tế vận hành của sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
			- Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực.
4.2. 2	Bảo trì, sửa chữa thiết bị (thiết bị đèn; thông tin liên lạc; vô tuyến điện; thiết bị cung cấp nguồn năng lượng)	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp thiết bị. - Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.
4.2. 3	Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành về chống sét trong công trình xây dựng. - Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.
4.2. 4	Bảo trì, sửa chữa máy phát điện	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp. - Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.
4.2. 5	Bảo trì, sửa chữa phao báo hiệu	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế, quy trình bảo trì được duyệt. - Bảo đảm nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.
5	Công tác quản lý tại trạm		
		- Kiểm tra công tác ghi chép nhật ký (tại trạm và phương tiện). - Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý, vận hành.	- Ghi chép nhật ký đầy đủ. - Bố trí phương tiện bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện địa lý của khu vực quản lý và quy định của quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện.

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng																																						
		- Kiểm tra thông báo hàng hải.	- Các nội dung đã công bố của thông báo hàng hải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải.																																						
6	Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng	- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau: $A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$ Trong đó: + A là chỉ số khả dụng tính bằng %; + T là thời gian đánh giá hoạt động của báo hiệu hàng hải (ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm); + t là tổng thời gian mà báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố (sai lệch quá mức cho phép). - Chỉ số khả dụng tổng hợp của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng là tỷ lệ phần trăm giữa số lượng báo hiệu đạt yêu cầu chỉ số khả dụng với số lượng báo hiệu trên luồng. Chỉ số này được dùng để đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành luồng trong chu kỳ đánh giá.	- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 6 tháng như sau: <table><tr><th rowspan="2">Loại báo hiệu hàng hải</th><th colspan="4">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng</th></tr><tr><th>Cấp I</th><th>Cấp II</th><th>Cấp III</th><th>Cấp IV</th></tr><tr><td>Đăng tiêu, chấp tiêu, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện</td><td>97,8</td><td>96,6</td><td>95,6</td><td>94,4</td></tr><tr><td>Báo hiệu chuyên hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyển dòng phân luồng giao thông</td><td>96,6</td><td>95,6</td><td>94,4</td><td>93,4</td></tr><tr><td>Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyển dòng</td><td>95,6</td><td>94,4</td><td>93,4</td><td>92,2</td></tr></table> - Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 1 năm như sau: <table><tr><th rowspan="2">Loại báo hiệu hàng hải</th><th colspan="4">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng</th></tr><tr><th>Cấp I</th><th>Cấp II</th><th>Cấp III</th><th>Cấp IV</th></tr><tr><td>Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyển dòng</td><td>95,6</td><td>94,4</td><td>93,4</td><td>92,2</td></tr></table>	Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng				Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Đăng tiêu, chấp tiêu, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	97,8	96,6	95,6	94,4	Báo hiệu chuyên hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyển dòng phân luồng giao thông	96,6	95,6	94,4	93,4	Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyển dòng	95,6	94,4	93,4	92,2	Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng				Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyển dòng	95,6	94,4	93,4	92,2
Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng																																								
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV																																					
Đăng tiêu, chấp tiêu, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	97,8	96,6	95,6	94,4																																					
Báo hiệu chuyên hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyển dòng phân luồng giao thông	96,6	95,6	94,4	93,4																																					
Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyển dòng	95,6	94,4	93,4	92,2																																					
Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng																																								
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV																																					
Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyển dòng	95,6	94,4	93,4	92,2																																					

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng				
			Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			98,9	98,3	97,8	97,2	
			Đăng tiêu, chấp tiêu, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện				
			Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyển dòng phân luồng giao thông	98,3	97,8	97,2	96,7
			Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyển dòng	97,8	97,2	96,7	96,1
			- Chỉ số khả dụng tổng hợp yêu cầu tối thiểu của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng phải $\geq 90\%$. - Phân cấp luồng hàng hải theo TCVN 10704:2015.				

3. Dịch vụ khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu)

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu chất lượng dịch vụ khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng quy định tại Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3			
STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Thiết bị, phương tiện và hệ	- Kiểm tra hồ sơ kiểm định thiết bị khảo sát.	- Phù hợp với nhiệm vụ và phương án kỹ thuật

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
	thống móc khảo sát(không chế cao độ và tọa độ)	- Kiểm tra hồ sơ đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy phục vụ khảo sát. - Kiểm tra hồ sơ hệ thống móc khảo sát.	khảo sát. - Hồ sơ kiểm định của thiết bị khảo sát còn hiệu lực tại thời điểm khảo sát. - Hồ sơ đăng ký, đăng kiểm của phương tiện thủy phục vụ khảo sát còn hiệu lực tại thời điểm khảo sát. - Hệ thống móc khảo sát đáp ứng theo tiêu chuẩn và quy phạm hiện hành. - Theo tần suất khảo sát được Bộ Giao thông vận tải quy định.
2	Tần suất khảo sát	- Kiểm tra số lần thực hiện và thời gian giữa các lần khảo sát.	- Hồ sơ khảo sát đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ và phương án kỹ thuật, trình bày đúng quy định và đảm bảo tính pháp lý. - Thông báo hàng hải được ban hành kịp thời, phù hợp với kết quả khảo sát, theo đúng quy định về biểu mẫu của Bộ Giao thông vận tải - Đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10336:2015 - Khảo sát độ sâu trong lĩnh vực hàng hải.
3	Hồ sơ khảo sát	- Kiểm tra nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát. - Kiểm tra Thông báo hàng hải được ban hành theo kết quả khảo sát. - Kiểm tra Báo cáo kết quả khảo sát (bảng đo sâu, số thủy trí, nhật ký khảo sát, nhiệm vụ khảo sát... đĩa CD (hoặc USB) có chứa các tệp hồ sơ khảo sát). - Kiểm tra Bình đồ khảo sát luồng hàng hải (tỷ lệ bình đồ, phạm vi đo vẽ, khoảng cách giữa các tuyến đo)	

4. Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải

- a) Tiêu chí giám sát, nghiệm thu chất lượng dịch vụ công ích đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải là việc khắc phục kịp thời, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.
- b) Tiêu chí giám sát, nghiệm thu chất lượng dịch vụ công ích đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải quy định tại Bảng 4 dưới đây:

Bảng 4

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Chất lượng thực hiện công tác đột xuất đảm bảo an toàn hàng hải	- Kiểm tra hồ sơ khắc phục sự cố;	- Xử lý kịp thời các sự cố đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. - Có đầy đủ hồ sơ thể hiện việc khắc phục sự cố theo quy định.

5. Quản lý, bảo trì hệ thống đề chấn sóng, đề chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu chất lượng dịch vụ Quản lý, bảo trì hệ thống đề chắn sóng, đề chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng quy định tại Bảng 5 dưới đây:

Bảng 5

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
1	Công tác kiểm tra thường xuyên	- Kiểm tra số lần thực hiện và thời gian giữa các lần kiểm tra thường xuyên.	- Theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BGTVT ngày 11/6/2018 của Bộ Giao thông vận tải. - Nhật ký kiểm tra công trình được ghi chép đầy đủ;
2	Hình dáng của đề, kè	- Quan sát bằng mắt thường tại hiện trường - Kiểm tra hồ sơ	- Phù hợp theo thiết kế và hồ sơ hoàn công - Các điểm bất thường có hồ sơ ghi nhận chi tiết, kịp thời.
3	Độ cao của đề, kè	- Quan sát bằng mắt thường tại hiện trường - Kiểm tra hồ sơ	- Phù hợp theo thiết kế và hồ sơ hoàn công - Các điểm bất thường có hồ sơ ghi nhận chi tiết, kịp thời.

STT	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng
4	Hành lang an toàn của đề, kẻ	- Quan sát bằng mắt thường tại hiện trường - Kiểm tra hồ sơ	- Bảo đảm hành lang an toàn theo quy định tại Nghị định về bảo vệ công trình hàng hải (ghi cụ thể) - Có đủ hệ thống móc chỉ giới báo hiệu hành lang an toàn ở các khu vực cần thiết. - Có đủ hồ sơ ghi nhận chi tiết, kịp thời các trường hợp vi phạm và quá trình xử lý.